TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 8 - 2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986; địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Lâm Văn X, sinh năm: 1984; địa chỉ hộ khẩu thường trú: ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: khu phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, chị H, anh X đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn X tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (theo giấy chứng nhận kết hôn số 99, ngày 18/7/2016). Thời gian đầu, vợ chồng chung sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh sau đó do công việc và thu nhập không đáp ứng được nhu cầu của cuộc sống nên vợ chồng cùng về nhà cha mẹ ruột chị H tại khu phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận được cha mẹ chị H cho đất làm nhà để sinh sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau cho đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình; anh X không tin tưởng chị H dẫn đến tình cảm vợ chồng thiếu có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn X và không có nguyện vọng được hòa giải để tiếp tục chung sống với anh X.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, chị H và anh X có 01 người con chung tên là Lâm H1, sinh ngày 15/8/2016. Chị H có yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm: sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị H (bản sao); 01 sổ tạm trú của anh Lâm Văn X (bản sao); 01 trích lục khai sinh con (bản sao) và 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc).

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, tài liệu khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lâm Văn X trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lâm Văn X và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau khoảng từ năm 2011, đến năm 2016 thì anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu, anh X và chị H cùng chung sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, khoảng từ năm 2017, anh chị mới chuyển về khu phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận sinh sống. Anh X nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng vẫn hạnh phúc; trong cuộc sống có xảy ra những mâu thuẫn nhưng theo anh X những mâu thuẫn đó không lớn. Cụ thể, công việc của chị H là đi phục vụ đám cưới nên thường tụ tập ăn nhậu với bạn bè, nhiều lúc say xỉn làm ảnh hưởng đến sức khỏe; khi anh X khuyên can thì hai vợ chồng lại cải vả nhau. Trong thời gian anh X đi làm xa nhà thì chị H luôn tỏ thái độ lạnh nhạt với anh X và cho rằng anh X không quan tâm đến vợ, con; khi anh X gửi tiền về để chăm lo cho con thì chị H không nhận. Hiện nay giữa anh X và chị H mặc dù vẫn chung sống một nhà nhưng khoảng 06 tháng nay không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị H có yêu cầu ly hôn thì bản thân anh X không mong muốn nhưng trường hợp chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì anh X cũng chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên là Lâm H1, sinh ngày 15/8/2016, hiện nay con đang ở với vợ chồng.

Trong trường hợp ly hôn, anh X có nguyện vọng được nuôi con chung vì anh X là con một trong gia đình, cháu Hạo đang là người cháu duy nhất trong gia đình anh X; bản thân anh X hiện nay làm thợ xây thu nhập hàng tháng từ 8.000.000đồng đến 9.000.000đồng có đầy đủ điều kiện cả về thời gian lẫn vật chất để chăm lo cho con.

Anh X không đồng ý giao con cho chị H nuôi bởi vì hiện tại công việc và thu nhập của chị H không ổn định (công việc chủ yếu là đi phụ đám cưới và làm hạt điều) nên không đủ khả năng để nuôi con; hơn nữa môi trường sống của gia đình chị H quá khắt khe đối với cháu nên không thể đảm bảo cho cháu Lâm H được phát triển tốt.

- Về tài sản chung: Mặc dù trước đây anh X có trình bày yêu cầu được phân chia tài sản khi ly hôn nhưng hiện nay anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị H (bản sao); 01 sổ tạm trú của anh Lâm Văn X (bản sao); 01 trích lục khai sinh con (bản sao) và 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc) mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện; bản tự khai của nguyên đơn; biên bản lấy lời khai bị đơn; biên bản xác minh, biên bản hòa giải, biên bản đối chất, biên bản làm việc do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau: Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H có yêu cầu ly hôn, anh Lâm Văn X không đồng ý ly hôn;

+ Về con chung: Chị H và anh X đều có nguyện vọng được nuôi con H1.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án để tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lâm Văn X.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con Lâm H1, sinh ngày 15/8/2016 cho đến khi thành niên.

Anh Lâm Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị H, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên bị đơn đều có mặt tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3]Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn X tự nguyện tìm hiểu chung sống từ năm 2011, đến năm 2016 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (theo giấy chứng nhận kết hôn số 99, ngày 18/7/2016). Thời gian đầu vợ chồng sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2017, sau khi sinh con thì cuộc sống tại thành phố Hồ Chí Minh khó khăn hơn nên chị H và anh X cùng về khu phố H, thị trấn L, huyện T sinh sống ổn định cho đến nay. Chị H cho rằng, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống bình thường với nhau nhưng đến cuối năm 2020 thì thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình, anh X không tin tưởng đối với chị H, thiếu tôn trọng đối với cha mẹ chị H.

Trong khi đó, anh X cho rằng, cuộc sống vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là mâu thuẫn nhỏ khi anh X nhắc nhở chị H việc ăn nhậu cùng bạn bè thì vợ chồng có lời qua, tiếng lại. Từ đó, chị H đã tỏ thái độ lạnh nhạt, không còn quan tâm tới anh X.

Xét thấy, trong cuộc sống hôn nhân, vợ, chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, giữa chị H và anh X sau khi có xảy ra mâu thuẫn với nhau đã không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc và chia sẻ lẫn nhau, người nào chỉ lo bổn phận của người đó. Tại phiên tòa, chị H cũng cho rằng không còn tình cảm với anh X và cương quyết được ly hôn với anh X; bản thân anh X vẫn còn thương yêu chị H nhưng do chị H nhất quyết ly hôn với anh thì anh cũng chấp nhận. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh X đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, cần xử cho chị H được ly hôn với anh X là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung:

Trong thời gian chung sống, chị H và anh X có 01 người con chung tên là Lâm H1, sinh ngày 15/8/2016. Cả chị H và anh X đều có nguyện vọng được nuôi con Lâm H.

Xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị H và anh X là hoàn toàn chính đáng nhưng khi quyết định giao con cho ai nuôi cần phải xem xét, cân nhắc để đảm bảo cho cháu H1 được phát triển tốt về mọi mặt. Cháu H1 hiện còn nhỏ (5 tuổi), thời gian qua mặc dù cháu H1 vẫn chung sống cùng chị H và anh X nhưng đối với tính chất công việc của anh X là thợ xây, ít khi ở nhà nên việc chăm sóc cháu Hạo vẫn do chị H trực tiếp nuôi dạy.

Bên cạnh đó, anh X cũng cho rằng nếu được trực tiếp nuôi con thì anh X sẽ dẫn con về ở với ông bà nội cháu tại Vĩnh Long để cùng phụ chăm sóc vì anh X không có người thân thích ở huyện T, tỉnh Bình Thuận. Như vậy, nếu giao con cho anh X nuôi sẽ thay đổi môi trường sống và học tập của cháu H1 phần nào ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm của cháu khi cháu còn quá nhỏ.

Do đó, để ổn định môi trường sống cũng như việc học tập, không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của cháu H1, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu H1 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với các Điều 80, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: các đương sự đều không yêu cầu nên không Hội đồng không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không xét đến.

[4] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 điều 147, Điều 203; khoản 1 Điều 227; các Điều 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lâm Văn X.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung Lâm H1, sinh ngày 15/8/2016 cho đến khi thành niên.

Anh Lâm Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007386 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày truyên án (10/8/2021).

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

(Đã giải thích quyền kháng cáo)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ – án văn.

Dương Thị Mận